

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 132/2025/DS-ST

Ngày: 19-9-2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất, yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đặng Văn Tâm

2- Bà Đào Thị Thu Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 11, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên tòa:**

Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1126/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 10
năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2025/QĐXXST-
DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1974; bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm
1972; địa chỉ: số D Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L,
tỉnh An Giang (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch X, sinh
năm 1960; địa chỉ: số C T, khóm Đ, phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang
(nay là phường L, tỉnh An Giang) (Có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

- Bà Đinh Thị L, sinh năm 1977 (Vắng mặt);
địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp M, xã L, tỉnh An Giang).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Ông Đinh Hùng S, sinh năm 1975 (Có mặt);
- + Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1977(Có mặt);
- + Cháu Đinh Thị Ngọc H1, sinh năm 2003 (Vắng mặt);
- + Cháu Đinh Văn Q, sinh năm 2013 (Vắng mặt);

Địa chỉ: cùng ấp M, xã M, Chợ M, tỉnh An Giang (nay là ấp M, xã L, tỉnh An Giang);

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh A (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Thu B do bà Nguyễn Thị Bạch X đại diện theo ủy quyền trình bày, do chỗ quen biết nên vợ chồng ông A, bà B và vợ chồng ông H, bà L có thỏa thuận thuê đất của vợ chồng ông A, bà B theo hợp đồng thuê đất số 81 ký kết tại Văn phòng C1 từ ngày 01/2/2018 đến 31/12/2022 (tổng cộng 05 năm). Sau khi ký kết, vợ chồng L, H có đóng được 02 năm đầu, còn lại 03 năm chưa trả. Ông A, bà B có yêu cầu ông H, bà L trả tiền thuê đất còn lại và thanh lý hợp đồng. Nhưng phía bà L không thực hiện.

Nay ông Tuấn A, bà Thu B yêu cầu vợ chồng ông H, bà L trả tiền thuê đất 03 năm còn lại là 120.802.500đ; giao trả diện tích thuê 16.107m², đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang(nay là ấp M, xã L, tỉnh An Giang).

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L trình bày, vào ngày 13/01/2018 vợ chồng ông có thỏa thuận với vợ chồng ông A, bà B thuê diện tích đất 12.821m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01529 ngày 08/01/2018 và diện tích 3.286m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 ngày 08/01/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B. Thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày 01/01/2018 đến 01/01/2023, mục đích để sản xuất nông nghiệp. Giá thuê 2.500.000đ/m². Tổng số tiền thuê là 201.337.500đ. Vợ chồng ông đã đưa trước 02 năm là 80.535.000đ, số tiền còn lại đến nay chưa trả. Đối với việc ông A, bà B yêu cầu vợ chồng ông bà tháo dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất trả lại diện tích đất đang thuê, vợ chồng ông không đồng ý vì có mồ mả, nhà cửa của cha mẹ

ông H, bà L. Do đó, ông yêu cầu được chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất để gia đình ông tiếp tục sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Hùng S trình bày, đất ông được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 và sử dụng ổn định đến nay. Năm 2018, ông phát hiện em ông là Đinh Thị L đăng ký quyền sử dụng đất cấp chồng lên diện tích đất của ông và chuyển nhượng cho Tuấn A, Thu B. Nay ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tuấn A, T.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh A có văn bản trình bày do không có thông tin nên không có ý kiến về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Thu B và xin được vắng mặt trong quá trình tố tụng và xét xử.

Cháu Đinh Thị Ngọc H1 và Đinh Văn Q đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để giải quyết, nhưng vắng mặt và không có ý kiến về vụ án.

Các đương sự thống nhất bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng Đ chi nhánh C2 thực hiện ngày 22/6/2025, không yêu cầu đo đạc định giá lại.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B, đồng ý tách diện tích 1.388m² cho ông Đinh Hùng S và rút một phần yêu cầu đối với diện tích 1.898m² trong diện tích 3.286m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 ngày 08/01/2018 còn các yêu cầu khác giữ nguyên.

Bị đơn ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Ông Đinh Hùng S, bà Nguyễn Thị Kim C thống nhất với yêu cầu của ông T, A, bà Thu B và rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Sở Nông nghiệp và Môi Trường tỉnh A và cháu Đinh Thị Ngọc H1 có ý kiến xin vắng mặt. Cháu Đinh Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa giải, nhưng vắng mặt không lý do.

Các đương sự thống nhất biên bản đo đạc đất tranh chấp do Văn phòng Đ Chi nhánh C2 thực hiện ngày 25/6/2025, không yêu cầu đo đạc định giá lại.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B.

Buộc ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L trả cho ông Tuấn A, bà Thu B số tiền thuê đất 120.802.500đ; giao trả diện tích thuê 12.821m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01529 ngày 08/01/2018, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp M, xã L, tỉnh An Giang).

Công nhận sự tự nguyện của ông Tuấn A, bà Thu B tự nguyện giao trả cho ông Đinh Hùng S diện tích 1.388m² đất trong diện tích 3.286m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 ngày 08/01/2018 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tuấn A, bà Thu B.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đinh Hùng S yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B đối với diện tích 1.898m² nằm trong diện tích 3.286m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 ngày 08/01/2018 sau khi trừ diện tích 1.388m² tách cho ông Đinh Hùng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L trả tiền thuê đất 120.802.500đ và trả lại diện tích đất thuê 12.821m² đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp M, xã L, tỉnh An Giang). Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 11 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về sự vắng mặt của đương sự: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang, cháu Đinh Thị Ngọc H1 có đơn xin vắng mặt. Ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L, cháu Đinh Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang, ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L, cháu Đinh Thị Ngọc H1, cháu Đinh Văn Q là có căn cứ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 1.898m^2 nằm trong diện tích 3.286m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 ngày 08/01/2018 sau khi trừ diện tích 1.388m^2 tách cho ông Đinh Hùng S. Xét thấy sự tự nguyện của ông Tuấn A, bà Thu B là không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên đình chỉ yêu cầu này.

Ông Đinh Hùng S rút lại yêu cầu độc lập hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B, xét thấy sự tự nguyện này phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự thể hiện như sau:

Ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L đã thỏa thuận cho vợ chồng ông thuê quyền sử dụng đất của Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B diện tích 16.107m^2 theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 và CS01529 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2018. Việc thuê đất được hai bên lập thành văn bản và công chứng, chứng thực theo quy định. Ông H, bà L thừa nhận việc thuê đất như ông Tuấn A, bà B trình bày, hiện vợ chồng ông, bà còn nợ 03 năm tiền thuê đất đến nay chưa trả. Vợ chồng ông xin chuộc lại đất vì trên đất có mồ mả cha mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bên cho thuê ông Tuấn A, bà Thu B và bên thuê là ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực theo quy định và được hai bên thừa nhận đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên. Do phía bà L, ông H không thực hiện việc trả tiền thuê đất theo thỏa thuận giữa hai bên đã vi phạm nghĩa vụ của bên thuê đất. Do đó, việc ông Tuấn A, bà Thu B khởi kiện yêu cầu trả tiền thuê đất và trả lại diện tích đất đã thuê là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]- Đối với yêu cầu độc lập của ông Đinh Hùng S hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 ngày 08/01/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa, ông Tuấn A, bà Thu B đồng ý tách phần diện tích 1.388m^2 tại các mốc điểm 21, 27, 39, 43 theo bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 25/6/2025 của Văn phòng Đ chi nhánh C2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 của ông Tuấn A, bà Thu B giao trả lại cho ông S. Ông S đã rút lại yêu cầu độc lập này, nên Hội đồng xét xử xét đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S và công nhận sự tự nguyện của ông Tuấn A, bà Thu B. Phần diện tích còn lại 1.898m^2 ông Tuấn A, bà Thu B rút lại không yêu cầu trong vụ án này và sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác để yêu cầu ông H, bà

L tháo dỡ nhà, công trình phụ trên đất để trả lại đất cho ông bà và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông H, bà L.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, kê khai biến động theo quy định.

[2.3]- Đối với diện tích đất ông Tuấn A, bà Thu B yêu cầu ông H, bà L giao trả lại, qua thẩm định là 12.821m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS01529 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B tại các mốc điểm 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37 Bản đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng Đ chi nhánh C2 ngày 25/6/2025, nên phía bà L, ông H có trách nhiệm giao trả cho ông Tuấn A, bà B diện tích này.

[2.4]- Đối với yêu cầu chuộc đất của ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết bà L, ông H chỉ yêu cầu nhưng không thể hiện thiện chí trong thực hiện yêu cầu của mình và vắng mặt trong quá trình giải quyết, hòa giải tại Tòa. Nên yêu cầu này không có cơ sở để xem xét.

[2.5]- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Nông nghiệp và Môi T1 tỉnh An Giang, cháu Đinh Thị Ngọc H1, Đinh Văn Q do không có trách nhiệm trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.6]- Đối với việc cầm cố đất thuê của bà L, ông H. Tòa án đã tiến hành xác minh và yêu cầu đương sự cung cấp người cầm cố đất để tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng bà L, ông H không hợp tác và không cung cấp cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về việc cầm cố đất, nhưng địa phương cũng không xác định được người cầm cố đất. Do đó, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Đối với chi phí đo đạc, định giá 6.930.712đ. Do được chấp nhận yêu cầu nên ông Tuấn A, bà B không phải chịu chi phí này, ông H, bà L phải chịu chi phí trên, do ông Tuấn A đã nộp xong nên ông H, bà L phải trả lại ông Tuấn A số tiền chi phí trên.

[4]- Về án phí dân sự sơ thẩm căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39; 144, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 137, 236 Luật đất đai năm 2024;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B.

2. Buộc ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L trả cho ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B số tiền thuê đất 120.802.500đ (Một trăm hai mươi triệu, tám trăm lẻ hai ngàn, năm trăm đồng).

Buộc bà L, ông H có nghĩa vụ giao trả diện tích đất thuê 12.821m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS01529 ngày 08/01/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B tại các mốc điểm 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37 bản đo hiện trạng đất ngày 25/6/2025 của Văn phòng Đ Chi nhánh C2.

Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/6/2025 của Văn phòng Đ Chi nhánh C2 là một phần không tách rời bản án.

3. Công nhận sự tự nguyện của ông Tuấn A, bà Thu B tự nguyện giao trả cho ông Đinh Hùng S diện tích 1.388m² đất tại các mốc điểm 21, 27, 39, 43 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/6/2025 của Văn phòng Đ Chi nhánh C2 nằm trong diện tích 3.286m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 ngày 08/01/2018 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Tuấn A, bà Thu B.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký biến động đất theo quy định.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B đối với diện tích 1.898m² nằm trong diện tích 3.286m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 sau khi trừ diện tích 1.388m² tách cho ông Đinh Hùng S.

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đinh Hùng S yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02418 ngày 08/01/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B.

5. Ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L phải chịu chi phí đo đạc 6.930.712đ (Sáu triệu, chín trăm ba mươi ngàn, bảy trăm mười hai đồng), ông Tuấn A đã nộp xong nên ông H, bà L phải hoàn trả cho ông Tuấn A số tiền trên.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn H, bà Đinh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 6.040.000 đồng (Sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Tuấn A, bà Nguyễn Thị Thu B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.020.000đ theo biên lai số 0013244 ngày 10/02/2023 của Chi cục thi hành

án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án khu vực 11, tỉnh An Giang).

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức